



Tổng quan về doanh nghiệp

CTCP Khoáng sản Bình Định được thành lập từ năm 1985, là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực chế biến sâu Titan tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần từ tháng 1/2001. Số vốn điều lệ hiện hành của doanh nghiệp là gần 124 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh chính

(1) Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan; (2) Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản; (3) Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác chế biến khoáng sản.

Cơ sở sản xuất chính

Xí nghiệp Sa Khoáng Nam Đê Gi (Cát Thành, Phù Cát, Bình Định): Sản phẩm của Xí nghiệp là các loại tinh quặng được chế biến từ quặng sa khoáng Titan nguyên khai (Ilmenite, Zircon, Rutile, Monazite và Magnetic). Một phần Ilmenite sản xuất ra được cung ứng cho nhà máy Xi Titan Bình Định, phần còn lại để xuất khẩu.

Nhà máy Xi titan Bình Định: (Cát Nhơn, Phù Cát, Bình Định). Nhà máy sử dụng nguyên liệu chủ yếu là tinh quặng Ilmenite để tiếp tục thực hiện công đoạn chế biến sâu. Sản phẩm của nhà máy là Xi Titan và gang hợp kim.

Các dấu mốc phát triển và dự án lớn

Năm	Sự kiện, đặc điểm
1985-2009	Sản xuất chủ yếu quặng Ilmenite
2009	Chính thức khai thác nhà máy chế biến xỉ Titan (nhà máy chế biến sâu titan đầu tiên tại Việt Nam), công suất 9.500 tấn/năm bao gồm 6.000 tấn xỉ Titan và 3.500 tấn gang/năm. Tổng chi phí đầu tư 44 tỷ đồng; Được cấp phép thêm 150ha vùng mỏ kế cận mỏ hiện tại.
2010	Đóng cửa các nhà máy Titan do xuất khẩu Titan gặp khó khăn về thuế
2011	Giá Titan thế giới tăng mạnh, giảm thuế xuất khẩu Titan từ 15% tới 10%, được phép khai thác Titan-zircon tại khu mỏ Nam Đê Gi, với diện tích 150ha, thời hạn khai thác 10 năm kể từ ngày ký giấy phép. Triển khai giai đoạn 2 Nhà máy sản xuất xỉ titan, công suất 35.000 tấn, trong đó 21.000 tấn xỉ/năm và 14.000 tấn gang/năm; tổng chi phí đầu tư 60 tỷ đồng.
2012	Nhà nước cấm xuất khẩu Ilmenite; BMC chính thức đưa lò luyện xỉ titan thứ 3 vào hoạt động, tiếp tục lắp đặt lò luyện thứ 4 của giai đoạn 2 với năng suất lò 3 đạt 300 tấn/tháng.

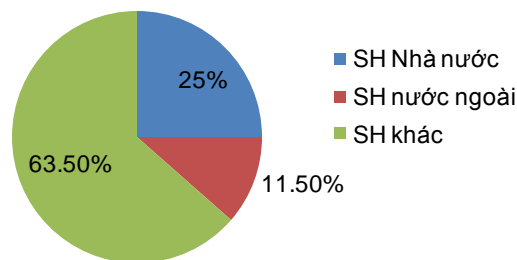
Số liệu thị trường tại ngày 10/05/2013

GT vốn hóa TT (tỷ VND)	657	Giá hiện tại (VND)	54.500
KLGD bình quân 30 ngày	150.742	Giá cao nhất 52 tuần	65.000
SLCP đang LH (triệu CP)	12,39	Giá thấp nhất 52 tuần	39.200
Vốn điều lệ (tỷ VND)	1,24	P/E 4 quý gần nhất (x)	7,68
EPS điều chỉnh (VND)	7.816	P/B 4 quý gần nhất (x)	2,5
Lãi cổ tức (%)	5,5	% sở hữu nước ngoài	11,5%

Đồ thị giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông BMC đến ngày 10/05/13



Nguồn: VBCS

25% cổ phần BMC thuộc sở hữu Nhà nước, đại diện bởi Quỹ đầu tư phát triển Bình Định, với chiến lược phát triển bền vững, tác động phần nào tới chính sách phát triển doanh nghiệp.

BMC có rủi ro chính sách cao. Chính sách thuế và quy định xuất nhập khẩu khoáng sản Ilmenite tác động không nhỏ tới BLN và sản lượng tiêu thụ cũng như quy mô sản xuất của BMC. Ngoài ra, Trung Quốc chiếm 94% thị phần xuất khẩu Titan của Việt Nam, nên các chính sách nhập khẩu nước này tác động không nhỏ tới đầu ra của doanh nghiệp.

So với các doanh nghiệp khoáng sản kim loại đang niêm yết, BMC là doanh nghiệp có quy mô trung bình nhưng có khả năng sinh lời cao và được định giá thấp. Chúng tôi khuyến nghị Mua/Nắm giữ đối với cổ phiếu BMC

I. NGÀNH KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN TITAN VIỆT NAM

Việt Nam nằm trong danh sách nước có trữ lượng Titan hàng đầu thế giới

Titan là kim loại nhẹ, cứng, không bị ăn mòn, được sử dụng trong các ngành công nghiệp quan trọng như: hàng không, vũ trụ, tàu ngầm, hóa chất và các ngành kinh tế khác. Theo cơ quan địa chất Hoa Kỳ (USGS), trữ lượng khoáng sản titan thế giới trên 2 tỉ tấn, trong đó các nước có trữ lượng lớn gồm Trung Quốc, Nam Phi, Ấn Độ, Australia, Brazil... Theo dự báo mới nhất, Việt Nam có trữ lượng khoảng 658 triệu tấn và trữ lượng có thể quy hoạch khoảng 440 triệu tấn, đứng thứ 6 trên thế giới. (trữ lượng dự báo khu vực Bình Thuận khoảng 599 triệu tấn, chiếm 92%)

Titan Việt Nam gồm có 2 thể: quặng titan gốc và titan sa khoáng. Titan gốc phân bố chủ yếu ở Thái Nguyên, với trữ lượng khoảng 4,8 triệu tấn; titan sa khoáng được phân bố dọc theo bờ biển và tập trung ở các tỉnh ven biển như Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Bình Định, Ninh Thuận, Vũng Tàu. Cả hai loại titan này đều được khai thác lộ thiên.

Nhà nước định hướng đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu

Hiện tại, cả nước có 32 dự án khai thác titan còn hiệu lực, với tổng công suất lên tới 1,26 triệu tấn/năm. Đến năm 2020, số lượng dự án cấp phép mới lên tới 43 dự án, với tổng diện tích 27.443ha. Các doanh nghiệp đã chú trọng đầu tư công nghệ khai thác và chế biến quặng titan nhưng chỉ dừng lại ở mức tạo ra sản phẩm quặng tinh.

Về chế biến sâu, hiện tại có 2 nhà máy sản xuất Ilmenite hoàn nguyên công suất 20.000 tấn/năm và 5 nhà máy luyện xỉ. Ngoài ra, trong thời gian qua do nhu cầu quặng titan thế giới tăng cao, nên số lượng doanh nghiệp tham gia khai thác, tuyển thô quặng titan tăng mạnh mặc dù không có đủ tiềm lực chuyên môn, dẫn tới tình trạng khai thác bừa bãi. Vì vậy, chính phủ và bộ ngành đã chủ trương đẩy mạnh quản lý chất lượng khoáng sản, đồng thời hạn chế và tiến tới dừng xuất khẩu tinh quặng Ilmenite và tập trung đầu tư vào các dự án chế biến sâu.

Một số các doanh nghiệp đã bắt kịp với chính sách mới của Chính phủ, đầu tư công nghệ chế biến sâu như: CTCP Khoáng sản Bình Định, CTCP khoáng sản Sài Gòn- Quy Nhơn và nhiều doanh nghiệp ở các địa phương khác. Mức giá xỉ Titan cao gấp 5 lần so với giá Ilmenite thô vì vậy biên lợi nhuận của các doanh nghiệp chế biến sâu thường cao hơn nhiều so với các doanh nghiệp có công nghệ chế biến thấp hơn.

Biểu thuế xuất khẩu titan

	Ilmenite	Xỉ titan
Trước 25/5/10	20%	18%
Từ 20/5/10	15%	15%
Từ 1/1/11	15%	10%
Từ 1/1/13	30%	10%

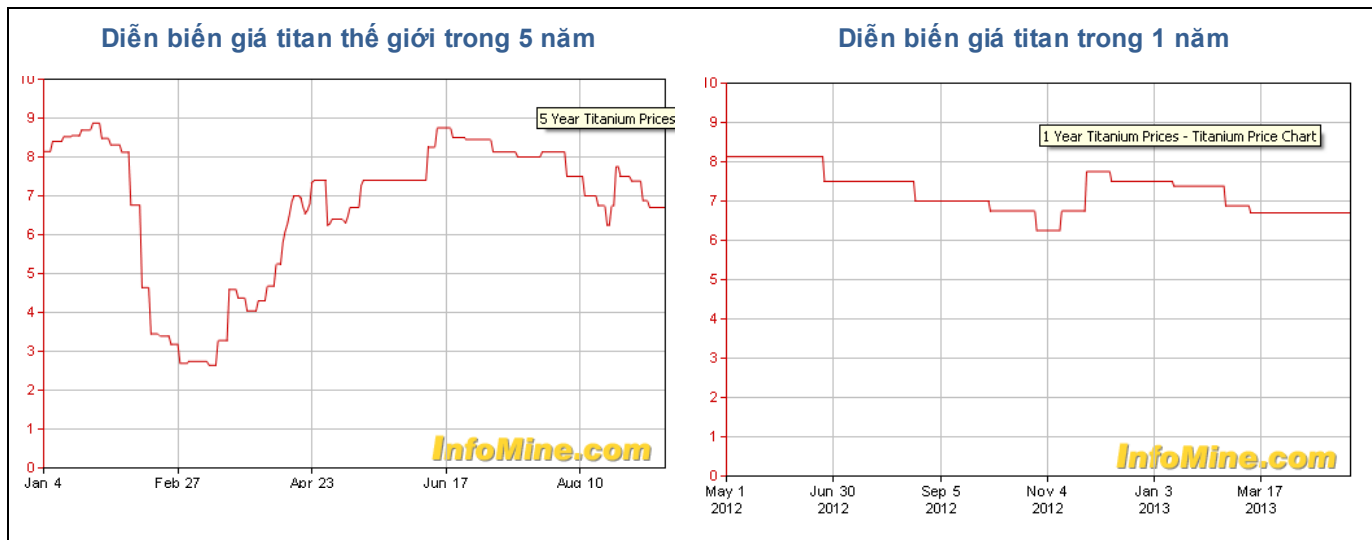
STT	Địa bàn	Các dự án chính
1	Miền Bắc	CTCP Ban tích, Công ty TNHH Xây dựng và phát triển nông thôn miền núi Thái Nguyên đầu tư nhà máy luyện xỉ titan CTCP Khoáng sản An Khánh đang chuẩn bị dự án chế biến sâu
2	Miền Trung	- Tổng CTCP Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh đã đầu tư nhà máy chế biến zircon siêu mịn công suất 10.000 tấn/năm từ năm 2001. - Công ty XNK Quảng Bình đầu tư dự án sản xuất xỉ titan 20.000 tấn/năm - Công ty TNHH Nhà nước MTV khoáng sản Thừa Thiên Huế với hai dây chuyền sản xuất zircon giai đoạn 1, công suất 4.500 tấn/năm, dây chuyền luyện xỉ titan 10.000 tấn/năm và chuẩn bị nâng thêm 10.000 tấn/năm. - CTCP Đất Quảng – Chu Lai đã đầu tư sản xuất zircon siêu mịn và Rutil công suất 10.000 tấn/năm; chuẩn bị đầu tư vào nhà máy hoàn nguyên công suất 30.000 tấn/năm.
3	Bình Định	- Có 3 dự án luyện xỉ đi vào hoạt động với tổng công suất 65.000 tấn/năm từ CTCP khoáng sản Bình Định, Công ty Biotan, CTCP Khoáng sản Sài Gòn-Quy Nhơn. Sắp tới

		mở rộng thêm 42.000 tấn/năm với nhiều dự án chế biến sâu như luyện xỉ titan và titan Pigment.
3	Phú Yên-Bình Thuận	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực này có trữ lượng Titan lớn nhất, chiếm 90% trữ lượng cả nước. - Nhiều doanh nghiệp đi vào chế biến sâu với đầu tư cơ bản, dây chuyền đồng bộ chế biến Ilmenite, zircon, Rutil như CTCP Khoáng sản Bằng Hữu, CTCP Đường Lâm, CTCP Tân Quang Cường. Trong đó, CTCP đầu tư và thương mại Hợp Long chuẩn bị đầu tư dự án sản xuất titan Pigment với công nghệ Alsher.

Tiềm năng tăng trưởng ngành

Theo hiệp hội titan thế giới (ITA), ngành công nghiệp máy bay châu Âu và Mỹ là nguồn thúc đẩy chính cho nhu cầu tiêu thụ titan thế giới. Với các dự án cho ứng dụng quốc phòng và máy bay thương mại, mức tiêu thụ titan trên thế giới dự kiến duy trì mức tăng trưởng ổn định. Nhu cầu tiêu thụ hiện tại của thế giới khoảng 6 triệu tấn, trong đó Trung Quốc cung ứng khoảng 2 triệu tấn, nhưng các doanh nghiệp Trung Quốc chủ yếu đi nhập khẩu từ các nước lân cận trong đó có Việt Nam.

Theo ITA dự báo tới năm 2017, mức tiêu thụ titan sẽ tăng gấp đôi so với mức tiêu thụ năm 2010. Với mức tăng trưởng cầu cao, trong khi đó lượng cung đang bị thắt chặt do nhiều nước cung cấp có xu hướng cấm hoặc hạn chế khai thác Titan do gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, dự kiến mức giá titan sẽ vẫn duy trì mức tăng trong dài hạn do mức chênh lệch cung cầu trong tương lai.



II. VỊ THẾ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Năng lực sản xuất

BMC sở hữu 1 mỏ Cát Thành có trữ lượng Ilmenite khoảng 500.000 tấn nhưng sản lượng trữ lượng không còn nhiều. Tháng 3/2011, BMC được bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp phép khai thác vùng mỏ Nam Đê Ghi, thuộc xã Cát Thành-Cát Hải, diện tích 150ha, trữ lượng 334.597 tấn, thời gian khai thác khoảng 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Công suất hiện tại của xí nghiệp sa khoáng đạt 80.000 tấn Ilmenite trên tổng số 500.000 tấn Ilmenite (titan thô) hàng năm. Công suất thiết kế chế biến xỉ titan của 3 dây chuyền đã đi vào hoạt động đạt 48.100 tấn, trong đó khoảng 32.000 tấn xỉ titan và còn lại là gang.

BMC có hai dự án đầu tư chính: Dự án xây dựng nhà máy luyện xỉ Titan giai đoạn 2 và đầu tư xưởng hoàn nguyên Ilmenite. Tính tới thời điểm hiện tại, BMC đã hoàn thành được 50% trong khi dự án xưởng hoàn nguyên đã bị hoãn lại do chính sách cấm xuất khẩu Ilmenite của Nhà nước và nhu cầu Ilmenite phục vụ sản xuất Titan đã được cung cấp đủ.

Vị thế của doanh nghiệp trong ngành

So với các doanh nghiệp sản xuất và chế biến xỉ titan, BMC là một trong những doanh nghiệp có quy mô tương đối lớn, đứng trong danh sách doanh nghiệp có quy mô hàng đầu Việt Nam. Về trình độ công nghệ, BMC cũng là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực chế biến sâu quặng titan, làm tăng giá trị gia tăng của sản phẩm.

So với các doanh nghiệp khoáng sản kim loại đang niêm yết, BMC là doanh nghiệp có quy mô trung bình nhưng có khả năng sinh lời cao và được định giá thấp.

Số liệu so sánh các doanh nghiệp khoáng sản kim loại Q1'13

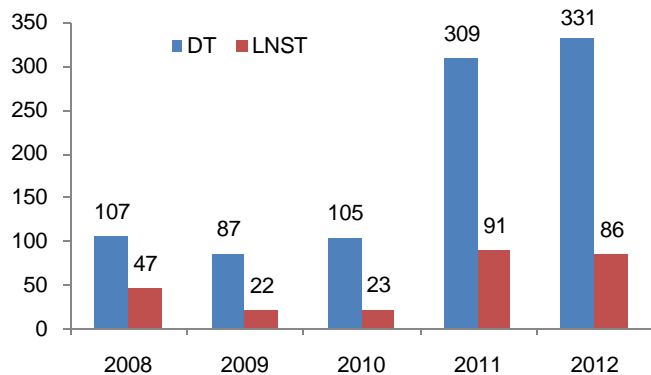
Mã	TTS	VĐL	TSLN ròng	Nợ/VCSH	ROA	ROE	EPS Trailing	Price	PB	PE	Vốn hóa
BGM	219	168	3,01%	0,06	0,35%	0,33%	48	4.300	0,49	89,58	75,6
BKC	141	75	-33,04%	0,83	-3,85%	-6,86%	(2,921)	13.000	0,55	-4,45	67,32
BMC	288	227	23,76%	0,26	8,07%	11,11%	7,816	54.500	2,96	6,97	669
DHM	297	160	2,76%	0,61	1,03%	1,50%	2,127	10.400	2,18	4,89	168
HGM	295	271	60,03%	0,09	7,73%	9,01%	20,987	108.000	2,19	5,15	668,43
KSA	346	154	45,85%	0,38	0,46%	0,73%	662	9.800	0,76	14,80	149,79
KSS	1.265	364	0,49%	2,47	0,09%	0,25%	(48)	6.200	0,47	-129,17	149,98
KTB	348	275	0,63%	0,27	0,02%	0,03%	1,502	6.200	0,69	4,13	166,16
LCM	304	214	35,09%	0,05	1,88%	1,98%	2,006	12.400	1,05	6,18	257
MIM	97	44	9,64%	1,19	2,20%	4,96%	(145)	5.400	0,49	-37,24	19,436
MMC	50	33	-21,29%	0,48	-1,97%	-2,83%	(1,647)	3.600	0,8	-2,19	11,376
PNJ	2.621	720	3,58%	0,53	2,40%	5,00%	3,186	26.700	1,55	8,38	1.922
SQC	1.701	1.365	20,83%	0,25	1,72%	2,14%	1,489	79.800	6,44	53,59	8.778
TKU	673	260	6,26%	1,59	2,54%	6,42%	62	7.400	0,07	119,35	180,4
TNT	177	102	-6,46%	0,72	0,58%	0,97%	(297)	1.900	0,2	-6,40	15,3
BQ ngành	216	205	10,08%	0,65	1,55%	2,32%	2.321	23.307	4,8	38,2	886,5

Nguồn:FPTS tổng hợp

Về quy mô, BMC đều cao hơn mức bình quân so với ngành với các chỉ tiêu như quy mô tổng tài sản và vốn điều lệ, nhưng có tỷ lệ vốn hóa cao. Xét về khả năng sinh lời, các chỉ số sinh lời ROA và ROE của BMC đều dẫn đầu ngành vượt xa so với bình quân, cũng như EPS trong khi PE và PB thấp hơn nhiều so với ngành.

III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Diễn biến doanh thu, lợi nhuận BMC (2009-12)

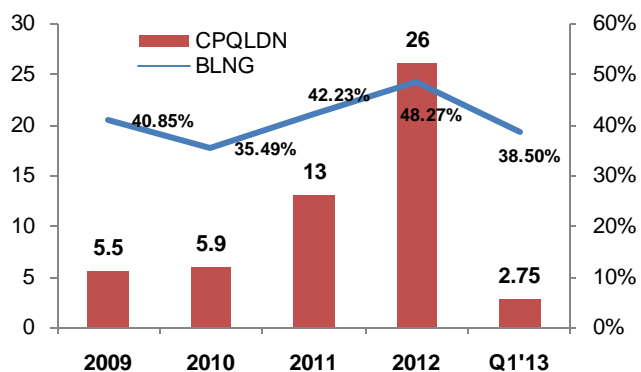


Nguồn: BMC

Doanh thu duy trì tăng trưởng mặc dù sản lượng giảm nhờ giá bán tăng.

Năm 2012, sản lượng tiêu thụ của BMC đạt 39.374 tấn, giảm 14,62% so với năm trước. Tuy nhiên, với mức giá bình quân thế giới tăng khoảng trên 20% so với năm trước, đồng thời tỷ trọng xuất khẩu (xuất khẩu xỉ titan) ngày càng tăng (tăng 7,85% so với năm 2011), đẩy giá bán bình quân của doanh nghiệp lên trên 25% so với năm 2011. Vì vậy, doanh thu thuần của BMC đạt 331 tỷ đồng, tăng 7% so với năm trước, đạt 82,75% kế hoạch năm. Trong Q1'13, doanh thu BMC đạt 113 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí quản lý doanh nghiệp và BLNG của BMC(2009-13)



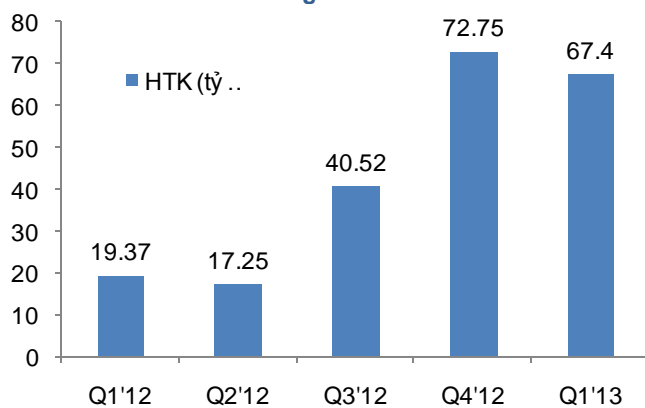
Nguồn: BMC

LNST giảm do chênh lệch tỷ giá và do tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

LNST năm 2012 đạt 86 tỷ, hoàn thành 7,5% kế hoạch. Với kết quả này, lợi nhuận BMC đã sụt giảm giảm 5,5% so với năm trước mặc dù BLNG đạt 48,27% cao nhất trong 5 năm qua. Có 2 nguyên nhân cho sự sụt giảm này: (1) sụt giảm doanh thu từ chênh lệch tỷ giá thực hiện từ 13,5 tỷ xuống còn 1,7 tỷ, dẫn tới sụt giảm mạnh doanh thu tài chính; (2) Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng gấp đôi so với năm trước, đạt 26 tỷ đồng.

Q1'13, LNST đạt 24 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng này nhờ vào chính sách cho phép xuất khẩu quặng thô tồn kho của chính phủ. BLNG trong quý có giảm mạnh còn 38,55% do tỷ trọng Ilmenite trong cơ cấu xuất khẩu Q1'13 tăng.

Diễn biến hàng tồn kho BMC



Nguồn: BMC

Hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nhiều bởi chính sách điều tiết của Nhà nước.

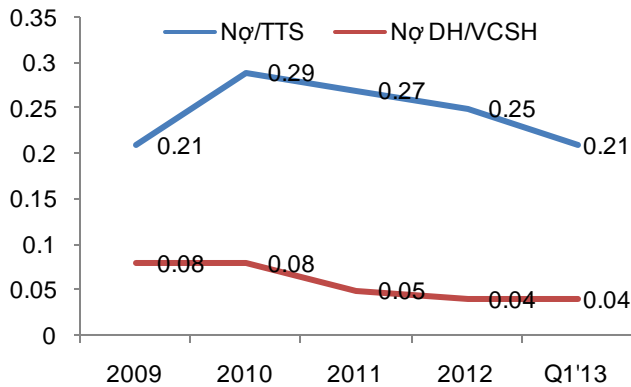
Ilmenite chiếm tỷ trọng không nhỏ trong cơ cấu xuất khẩu của BMC do nhà máy chế biến xỉ titan giai đoạn 2 mới được khởi công từ Q2'12 với thời hạn triển khai từ 1-1,5 năm nên khó có thể đóng góp doanh thu nhiều cho BMC. Ngoài ra, BMC mới ra nhập thị trường xuất khẩu xỉ titan từ năm 2011, nên cũng gặp khó khăn mở rộng thị trường và cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước, đặc biệt khi mặt hàng này phụ thuộc nhiều vào biến động cung cầu thế giới. Với chính sách hạn chế xuất khẩu Ilmenite và tiến tới cấm xuất khẩu từ năm 2012, lượng hàng tồn kho BMC tăng lên trong các quý gần đây. Tuy nhiên, theo công văn 1234/BCT-CNNg ngày 6/2/13 của Bộ Công Thương cho phép xuất khẩu Ilmenite tồn kho cho BMC với sản lượng 34.000 tấn. Do đó, lượng hàng tồn kho BMC sẽ giảm xuống mức bình quân và tăng doanh thu, sản lượng cho BMC quý tới.

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

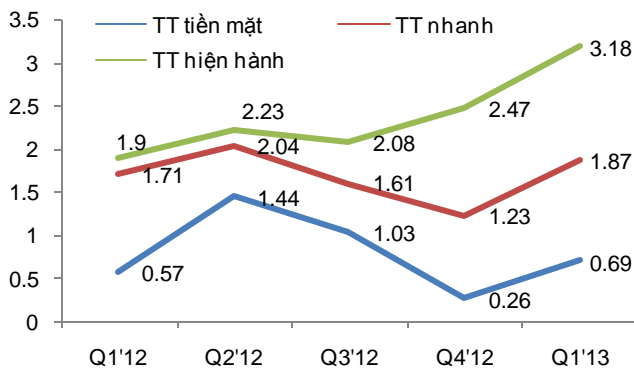
Cơ cấu giá trị tài sản BMC tại 30/03/2013

Chỉ tiêu	Giá trị (triệu)	% TTS
TS Ngắn hạn	163.081	56,69%
Tiền	35.418	12,31%
Các khoản phải thu	44.399	15,43%
Hàng tồn kho	67.397	23,43%
TS Dài hạn	124.599	43,31%
Tài sản cố định	108.329	37,66%
Tổng TS	287.680	100%

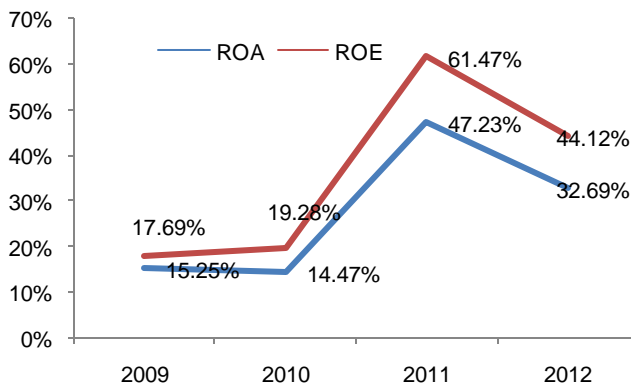
Đòn bẩy tài chính BMC qua các năm (2009-13)



Khả năng thanh khoản BMC



Chỉ tiêu khả năng sinh lời BMC (2009-12)



Nguồn: BMC

Tài sản cố định và hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn tổng tài sản BMC

BMC không có các khoản đầu tư tài chính và đầu tư vào công ty liên doanh liên kết. Vì vậy, cơ cấu tài sản của BMC tập trung vào các khoản tài sản cố định và vốn lưu động. Tài sản cố định đạt trên 108 tỷ, trong đó 75% đến từ máy móc thiết bị. Trong năm 2012, BMC đã ghi nhận tăng 65 tỷ nguyên giá tài sản cố định từ chi phí xây dựng dở dang trong các dự án đầu tư mở rộng sản xuất. Tài sản lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh chiếm trên 55%, trong đó tiền gửi ngân hàng chiếm 12,3% tổng tài sản, các khoản phải thu từ khách hàng (15,43%) và hàng tồn kho chiếm gần 25% tổng tài sản.

Đòn bẩy tài chính thấp, không có khoản vay ngân hàng ngắn và dài hạn.

BMC không có khoản vay trả lãi ngân hàng nào. Các khoản phải trả chủ yếu đến từ các khoản thuế phải nộp nhà nước và quỹ khen thưởng phúc lợi. BMC có khoản vay dài hạn từ tiền thuê đất nhà máy xử lý giá khoảng 430 nghìn USD tương ứng với 8,9 tỷ đồng.

Khả năng thanh khoản ngắn hạn cao

Không có khoản vay ngắn hạn ngân hàng, các khoản tiền mặt và tương đương tiền cao giúp BMC có khả năng thanh khoản tốt. Tất cả các chỉ số thanh toán ngắn hạn đều duy trì ở mức ổn định, khả năng thanh toán nhanh và hiện hành đều trên 1x.

Khả năng sinh lời của BMC trong 2 năm gần đây tăng mạnh nhờ điều kiện thuận lợi của thị trường.

Từ năm 2011, thuế xuất khẩu xỉ titan giảm trong khi giá titan thế giới lại có xu hướng tăng lên và duy trì ổn định trong 2 năm qua. Thêm vào đó, BMC được cấp phép giấy phép xuất khẩu và khai thác mỏ Nam Đề Gi, giúp BMC cải đạt tăng trưởng cao cả về doanh thu và lợi nhuận. Việc dự án nhà máy xỉ titan đi vào hoạt động giải quyết khó khăn BMC trong định hướng của Nhà nước về hạn chế xuất khẩu Ilmenite thô. Các chỉ số sinh lời của BMC đó đó cải thiện tương ứng trong 2 năm qua. Trong năm 2013, cùng với việc gia hạn xuất khẩu hàng tồn kho và việc đi vào hoạt động nhà máy xỉ giai đoạn 2, cùng với sự ổn định của thị trường thế giới theo dự báo của ITA, dự kiến các chỉ số sinh lời BMC tiếp tục duy trì ổn định trong năm nay. Q1'13, các ROE và ROA lần lượt đạt 11,11% và 8,7%, giảm so nhẹ so với cùng kỳ do tỷ suất lợi nhuận thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BC Lãi/(Lỗ) (triệu đồng)	Q1'13	2012	2011	2010
Doanh thu thuần	100.343	331.217	309.103	105.308
Lợi nhuận gộp	38.635	159.865	130.542	37.375
Thu nhập tài chính	1.085	6.034	22.198	13.642
Chi phí tài chính	38.404	1.591	39	82
Lợi nhuận thuần HĐKD	29.040	111.273	115.014	29.839
Lợi nhuận trước thuế	29.040	111.923	115.415	29.856
Thuế TNDN	5.197	25.531	24.027	6.596
Lợi nhuận sau thuế	23.842	86.391	91.388	23.259
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	23.842	86.391	91.388	23.259
Bảng CĐKT (triệu đồng)	31/03/2013	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2010
Tiền & tương đương tiền	35.417	15.217	42.507	40.050
Đầu tư TC ngắn hạn		33.000	87.477	10.600
Phải thu ngắn hạn	44.398	9.016	40.784	13.708
Hàng tồn kho	67.396	72.751	20.953	28.211
Tài sản ngắn hạn khác	15.868	14.718	1.961	1.756
Phải thu dài hạn	2.727	2.183	1.639	109
Tài sản cố định & XD CB	108.329	109.358	45.209	52.799
Lợi thế thương mại				
Bất động sản đầu tư				
Đầu tư dài hạn				4.461
Tài sản dài hạn khác	13.541	14.794	17.020	17.900
TỔNG TÀI SẢN	287.680	271.041	257.555	169.597
Nợ ngắn hạn	51.288	58.491	61.013	38.006
Nợ dài hạn	8.940	8.940	8.523	10.667
Vốn chủ sở hữu	227.451	203.609	188.018	120.922
Lợi ích cổ đông thiểu số				
TỔNG NGUỒN VỐN	287.680	271.041	257.555	169.597
Chỉ số tài chính	Q1'13	2012	2011	2010
Tăng trưởng				
DT thuần (%)	20,39%	7,15%	193,52%	20,63%
LN thuần (%)	3,62%	-5,47%	292,91%	7,59%
LN sau thuế của cổ đông công ty mẹ (%)	3,62%	-5,47%	292,91%	7,59%
Vốn CSH (%)	11,70%	8,29%	42,27%	0,43%
Tổng tài sản (%)	6,13%	5,24%	61,58%	11,62%
LN gộp biên (%)	38,50%	48,27%	42,23%	35,49%
LN thuần biên (%)	23,76%	26,08%	29,57%	22,09%
ROA (%)	8,07%	32,69%	47,23%	14,47%
ROE (%)	11,11%	44,12%	61,47%	19,28%
EPS cơ bản(VND)	1.294	7.739	11.061	2.815
Thanh toán hiện hành (x)	3,18	2,47	3,17	2,48
Tổng vay chịu lãi/VCSH (x)	0,04	0,09	0,04	0,09
Tổng nợ/vốn CSH (x)	0,26	0,33	0,37	0,4

Ghi chú:

- Các khoản mục tại bảng cân đối kế toán và báo cáo hoạt động kinh doanh được lấy từ báo cáo đã được kiểm toán của công ty và để dưới đơn vị triệu đồng.

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS đang nắm giữ 5 cổ phiếu BMC lẻ và chuyên viên phân tích FPTTS không nắm giữ bất kì cổ phiếu nào của doanh nghiệp này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại <http://ezsearch.pts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức

Bản quyền © 2013 Công ty Chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Tầng 2, Tòa nhà Spring Garden
71 phố Nguyễn Chí Thanh
Quận Ba Đình
Hà Nội
Việt Nam

ĐT: (84-4) 3 773 7070 / 271 7171

Fax: (84-4) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh TP HCM

31 Nguyễn Công Trứ
Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

ĐT: (84-8) 6 290 8686

Fax: (84-8) 6291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Đà Nẵng

124 Nguyễn Thị Minh Khai
Quận Hải Châu
Đà Nẵng
Việt Nam

ĐT: (84-511) 3553 666

Fax: (84-511) 3553 888